TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024.

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2024/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 03/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị Tr, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp C, xã Y, huyện B, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lương Hoàng N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp D, xã Yn, huyện U, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà La Thị Tr trình bày:

Về hôn nhân: Bà La Thị Tr và ông Lương Hoàng N cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 23/06/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

trong cuộc sống nên vợ chồng thường hay cãi nhau, bà Tr và ông N đã ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng không thể hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà Tr và ông N có 02 người con chung tên Lương Nhật Trí, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Trí Thiện, sinh ngày 21/02/2018. Hiện 02 người con chung đang sống với ông N. Khi ly hôn bà Tr đồng ý giao 02 con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà Tr trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lương Hoàng N được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao căn cước công dân; 02 bản sao giấy khai sinh; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Đơn xác nhận nơi cư trú của ông N.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lương Hoàng N theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, được triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Lương Hoàng N vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà La Thị Tr và ông Lương Hoàng N là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử phân tích, động viên bà Tr rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng bà Tr kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Tr và ông N không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Tr được ly hôn với ông N.

[3]. Về con chung: Bà Tr và ông N có 02 người con chung tên Lương Nhật Trí, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Trí Thiện, sinh ngày 21/02/2018 hiện

ông N đang nuôi dưỡng. Cháu Trí đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai ngày 10/7/2024 cháu Trí có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha là ông Lương Hoàng N. Tại phiên tòa, bà Tr cũng thống nhất giao 02 con chung cho ông N nuôi dưỡng, nhưng không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà Tr và ông N ly thân đến nay ông N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, các con chung của bà Tr và ông N vẫn phát triển bình thường như bao trẻ em khác. Nhằm tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 người con chung cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng bà Tr không đồng ý cấp dưỡng, ông N cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà Tr trình bày là trong thời gian chung sống với ông N vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000609 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Tr đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Bà La Thị Tr được ly hôn với ông Lương Hoàng N.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Lương Nhật Trí, sinh ngày 04/11/2009 và Lương Trí Thiện, sinh ngày 21/02/2018 cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản

trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông N.

3. Về chia tài sản chung: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000609 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Tr đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh